

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**HUYỆN I** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  
**TỈNH G**

Bản án số:18/2023/HS -ST  
Ngày: 14/9/2023

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN I TỈNH G**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Viết Thịnh.

*Các Hội thẩm nhân dân :*

- Ông: Nay Phen

- Bà: Võ Thị Thu Thủy

- *Thư ký phiên Tòa:* Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện I, tỉnh G.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện I tham gia phiên Tòa:* Ông H Văn Chinh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh G, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự đã thụ L1 số: 17/2023/TLST - HS ngày 10 tháng 8 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:17/2023/QĐXXST – HS ngày 28 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo:

Doãn Thị L, tên gọi khác: L1. sinh năm: 1981, tại Q.

Nơi đăng ký thường trú: Thôn Đ, xã Ia M, huyện I, tỉnh G; nơi sinh sống: Thôn Đ, xã Ia M, huyện I, tỉnh G; Nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): Không đi học; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Doãn Lự (đã chết) và bà Lê Thị Nhanh, sinh năm 1944; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2012. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/4/2023

đến ngày 01/8/2023 được thay thế bằng biện pháp bảo lãnh. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Đoàn Thị Ngọc B, sinh năm 1975

Trú tại: P3, xã Ia M, huyện I, tỉnh G. Có mặt.

2. Nguyễn Thị L2, sinh năm 1982.

Trú tại: P1, xã Ia M, huyện I, tỉnh G. Có mặt.

3. Nguyễn Thị C, sinh năm 1959.

Trú tại: Thôn Đ, xã Ia M, huyện I, tỉnh G. Có mặt.

4. Lê Thị Kiều L3, sinh năm 1969.  
Trú tại: Thôn Đ, xã Ia M, huyện I, tỉnh G. Có mặt.
5. Bùi Thị B1, sinh năm 1972  
Trú tại: Thôn Đ, xã Ia M, huyện I, tỉnh G. Có mặt.
6. Đào Thị Thu T, sinh năm 1966.  
Trú tại: Thôn Ploi R, xã Ia Tr, huyện I, tỉnh G. Vắng mặt.(Có đơn xin xét xử vắng mặt).
7. Phạm Thị Ngọc L4, sinh năm 1988  
Trú tại: Thôn Đ, xã Ia M, huyện I, tỉnh G. Vắng mặt.(Có đơn xin xét xử vắng mặt).
8. Nguyễn Thị L5, sinh năm 1978  
Trú tại: Thôn Đ, xã Ia M, huyện I, tỉnh G. Có mặt.
9. Đinh Thị Thúy H, sinh năm 2005  
Trú tại: Thôn Đ, xã Ia M, huyện I, tỉnh G. Vắng mặt.(Có đơn xin xét xử vắng mặt).
10. Lê Ngọc Ng, sinh năm 2009  
Trú tại: Thôn Ploi T, xã Ia Kd, huyện I, tỉnh G. Vắng mặt.(Có đơn xin xét xử vắng mặt).
11. Võ Thị T1, sinh năm 1976.  
Trú tại: P1, xã Ia M, huyện I, tỉnh G.. Vắng mặt.(Có đơn xin xét xử vắng mặt).
12. Phạm Anh T2, sinh năm 1974  
Trú tại: P3, xã Ia M, huyện I, tỉnh G. Vắng mặt.(Có đơn xin xét xử vắng mặt).
13. Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 2002  
Trú tại: Thôn Đ, xã Ia M, huyện I, tỉnh G. Vắng mặt.(Có đơn xin xét xử vắng mặt).
14. Trần Thị Thu Đ1, sinh năm 1979  
Trú tại: P3, xã Ia M, huyện I, tỉnh G. Vắng mặt.(Có đơn xin xét xử vắng mặt).
15. Trần Thanh H, sinh năm 1975.  
Trú tại: Thôn Đ, xã Ia M, huyện I, tỉnh G. Vắng mặt.
- \* Người đại diện hợp pháp cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lê Ngọc Ng: Bà Nguyễn Thị Kh, sinh năm 1942  
Trú tại: Trú tại: Thôn Ploi T, xã Ia Kd, huyện I, tỉnh G. Vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Xuất phát từ các mối quan hệ quen biết ngoài xã hội, từ năm 2020 đến tháng 3/2023, Doãn Thị L đã nhiều lần cho người khác vay tiền có thu

tiền lãi. L1 quy định sẽ thu tiền lãi hàng ngày với lãi suất là 01%/ngày, tương đương 365%/năm ( $01\% \times 365$  ngày), vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 18,25 lần ( $365\%/20\%$ ), không thỏa thuận thời hạn thanh toán tiền gốc. Doãn Thị L đã cho những người khác vay, cụ thể như sau:

1. Cho bà Đoàn Thị Ngọc B vay tiền, thu tiền lãi như sau:

*Lần thứ 1:* Ngày 20/7/2022, L1 cho bà B vay số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất là 01%/ngày. Bà B đã trả tiền lãi liên tục từ ngày 20/7/2022 đến ngày 22/7/2022, tổng cộng gồm 03 ngày. Tiền lãi thực tế mà L1 đã thu từ bà B là:  $10.000.000 \text{ đồng} \times 01\%/\text{ngày} \times 03 \text{ ngày} = 300.000 \text{ đồng}$ . Trong đó tiền lãi hợp pháp theo quy định của pháp luật là 16.438 đồng. Số tiền mà L1 thu lợi bất chính là 283.562 đồng. Ngày 22/7/2022, bà B đưa tiền mặt 1.000.000 đồng cho L1 và chuyển khoản số tiền 9.000.000 đồng đến tài khoản Ngân hàng ACB số 261766109 của bà Nguyễn Thị L5 để trả tiền gốc cho L1. Như vậy, bà B đã thanh toán xong tiền gốc 10.000.000 đồng vay ngày 20/7/2022.

*Lần thứ 2:* Khoảng 19 giờ ngày 22/7/2022, L1 và bà B đến nhà bà Nguyễn Thị L5. Tại đây, bà B hỏi mượn L1 số tiền 15.000.000 đồng thì L1 đồng ý và đưa tiền mặt cho bà B vay, với lãi suất vay là 01%/ngày. Bà B đã trả tiền lãi liên tục từ ngày 22/7/2022 đến ngày 16/3/2023, tổng cộng gồm 238 ngày. Tiền lãi thực tế mà L1 đã thu từ bà B là  $15.000.000 \text{ đồng} \times 01\%/\text{ngày} \times 238 \text{ ngày} = 35.700.000 \text{ đồng}$ . Trong đó tiền lãi hợp pháp theo quy định của pháp luật là 1.956.164 đồng. Số tiền mà L1 thu lợi bất chính là 33.743.836 đồng.

*Lần thứ 3:* Ngày 30/7/2022, L1 cho bà B vay số tiền 18.000.000 đồng, với lãi suất là 01%/ngày. Bà B đã trả tiền lãi liên tục từ ngày 30/7/2022 đến ngày 09/10/2022, tổng cộng gồm 72 ngày. Tiền lãi thực tế mà L1 đã thu từ bà B là:  $18.000.000 \text{ đồng} \times 01\%/\text{ngày} \times 72 \text{ ngày} = 12.960.000 \text{ đồng}$ . Trong đó tiền lãi hợp pháp theo quy định của pháp luật là 710.137 đồng. Số tiền mà L1 thu lợi bất chính là 12.249.863 đồng. Ngày 09/10/2022, bà B trả cho L1 tiền mặt 10.000.000 đồng và chuyển khoản số tiền 8.000.000 đồng đến tài khoản Ngân hàng ACB số 261766109 của bà Nguyễn Thị L5 để trả tiền gốc cho L1. Như vậy, bà B đã thanh toán xong tiền gốc 18.000.000 đồng vay ngày 30/7/2022.

*Lần thứ 4:* Ngày 09/10/2022, L1 cho bà B vay số tiền 18.000.000 đồng, với lãi suất là 01%/ngày. Bà B đã trả tiền lãi 01 ngày. Tiền lãi thực tế mà L1 đã thu từ bà B là:  $18.000.000 \text{ đồng} \times 01\%/\text{ngày} \times 01 \text{ ngày} = 180.000 \text{ đồng}$ . Trong đó tiền lãi hợp pháp theo quy định của pháp luật là 9.863 đồng. Số tiền mà L1 thu lợi bất chính là 170.137 đồng. Ngày 10/10/2022, bà B trả cho L1 tiền mặt 5.000.000 đồng và chuyển khoản số tiền 13.000.000 đồng đến tài khoản Ngân hàng ACB số 261766109 của bà Nguyễn Thị L5 để trả

tiền gốc cho L1. Như vậy, bà B đã thanh toán xong tiền gốc 18.000.000 đồng vay ngày 09/10/2022.

*Lần thứ 5:* Ngày 10/10/2022, L1 cho bà B vay số tiền 18.000.000 đồng, với lãi suất là 01%/ngày. B đã trả tiền lãi liên tục từ ngày 10/10/2022 đến ngày 16/3/2023, tổng cộng gồm 158 ngày. Tiền lãi thực tế mà L1 đã thu từ bà B là:  $18.000.000 \text{ đồng} \times 01\%/\text{ngày} \times 158 \text{ ngày} = 28.440.000 \text{ đồng}$ . Trong đó tiền lãi hợp pháp theo quy định của pháp luật là 1.558.356 đồng. Số tiền mà L1 thu lợi bất chính là 26.881.644 đồng.

Từ ngày 17/3/2023 về sau, L1 không tính lãi suất nữa và yêu cầu bà B hàng ngày trả tiền gốc là 300.000 đồng/ngày thì bà B đồng ý. Bà B đã đưa cho ông Trần Thanh H số tiền 600.000 đồng để trả cho L1. Sau đó, bà B không có khả năng trả tiền nữa nên khoảng 20 giờ ngày 07/4/2023, L1 cùng ông H đến nhà của bà B. Tại đây, bà B đóng cửa ở trong nhà còn L1 và ông H đứng ở ngoài đường, hai bên xảy ra cãi vã. Lúc này, ông H có dùng điện thoại di động mở video mà bà B vay tiền ngày 22/7/2022 cho bà Võ Thị T1 xem, sau đó L1 và ông H đi về. Từ đó về sau, mỗi ngày bà B đưa cho L1 50.000 đồng để trả tiền gốc, tổng là 650.000 đồng. Tổng cộng số tiền gốc mà bà B đã trả cho L1 là 1.250.000 đồng.

Như vậy, từ ngày 20/7/2022 đến 16/3/2023, tổng số tiền gốc mà Doãn Thị L đã cho Đoàn Thị Ngọc B vay là 79.000.000 đồng, trong đó tổng số tiền gốc mà bà B đã trả cho L1 là 47.250.000 đồng, số tiền gốc bà B chưa trả cho L1 là 31.750.000 đồng. Tổng số tiền lãi mà B đã trả cho L1 là 77.580.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp theo quy định của pháp luật mà bà B đã trả cho L1 là 4.250.958 đồng. Tổng số tiền mà Doãn Thị L đã thu lợi bất chính là 73.329.042 đồng.

## 2. Cho bà Nguyễn Thị L2 vay tiền, thu tiền lãi như sau:

Ngày 01/6/2022, L1 cho bà L4 vay số tiền 20.000.000 đồng, với lãi suất là 01%/ngày. Bà L4 đã trả tiền lãi liên tục từ ngày 02/6/2021 đến ngày 13/9/2022, tổng cộng 469 ngày. Tiền lãi thực tế mà L1 đã thu từ bà L4 là:  $20.000.000 \text{ đồng} \times 01\%/\text{ngày} \times 469 \text{ ngày} = 93.800.000 \text{ đồng}$ . Trong đó tiền lãi hợp pháp theo quy định của pháp luật là 5.139.726 đồng. Số tiền mà L1 thu lợi bất chính là 88.660.274 đồng.

Ngày 14/9/2022, bà L4 đến nhà của L1 thoả thuận xin dừng trả tiền gốc và tiền lãi thì L1 đồng ý. Từ đó về sau, nhiều lần L1 cho bà L4 vay số tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng, tổng cộng 19.000.000 đồng nhưng L1 không tính lãi suất. Đến ngày 03/11/2022, bà L4 đến nhà L1 tính tiền lãi từ ngày 14/9/2022 đến ngày 02/11/2022, tổng cộng 50 ngày là:  $20.000.000 \text{ đồng} \times 01\%/\text{ngày} \times 50 \text{ ngày} = 10.000.000 \text{ đồng}$ . Tuy nhiên số tiền lãi này bà L4 chưa trả cho L1. Trong đó tiền lãi hợp pháp theo quy định của pháp luật là 547.945 đồng. Số tiền mà L1 nhằm thu lợi bất chính (*nhưng chưa thu được*) là 9.452.055 đồng.

Doãn Thị L cộng 20.000.000 đồng tiền gốc vay ngày 01/6/2021, tiền lãi 10.000.000 đồng và tiền gốc 19.000.000 đồng (L4 vay trong khoảng thời gian từ ngày 14/9/2022 đến ngày 02/11/2022) thành 49.000.000 đồng. L1 yêu cầu bà L4 ghi giấy mượn tiền rồi giao cho L1 giữ. Sau đó, bà L4 xin không trả tiền lãi và mỗi ngày trả góp tiền gốc cho L1 là 100.000 đồng thì L1 đồng ý. Từ ngày 03/11/2022 đến ngày 01/01/2023, bà L4 trả tiền gốc cho L1 được 60 ngày, cụ thể số tiền là: 100.000 đồng/ngày x 60 ngày = 6.000.000 đồng.

Từ ngày 31/01/2023 đến ngày 19/4/2023, mỗi ngày bà L4 trả góp tiền gốc cho L1 là 150.000 đồng, tổng cộng 79 ngày, số tiền gốc L4 đã trả là: 150.000 đồng/ngày x 79 ngày = 11.850.000 đồng.

Như vậy, từ ngày 01/6/2021 đến ngày 02/11/2022, tổng số tiền gốc mà Doãn Thị L đã cho Nguyễn Thị L2 vay với lãi suất 01%/ngày là 20.000.000 đồng. Tổng số tiền gốc mà bà L4 đã trả cho L1 là: 6.000.000 đồng + 11.850.000 đồng = 17.850.000 đồng. Tổng số tiền gốc mà bà L4 chưa trả cho L1 là: 20.000.000 đồng – 17.850.000 đồng = 2.150.000 đồng. Tổng số tiền lãi hợp pháp mà thực tế L1 đã thu là 5.139.726 đồng. Tổng số tiền mà Doãn Thị L nhằm thu lợi bất chính là 98.112.329 đồng, trong đó thực tế L1 đã thu lợi bất chính là 88.660.274 đồng. Số tiền còn lại 9.452.055 đồng L1 chỉ tính nhằm thu nhưng chưa thu được từ L4.

3, Cho bà Nguyễn Thị C vay tiền, thu tiền lãi như sau:

Ngày 10/6/2021, L1 cho bà C vay số tiền 20.000.000 đồng, với lãi suất là 01%/ngày. Bà C đã trả tiền lãi liên tục từ ngày 10/6/2021 đến ngày 09/01/2022, tổng cộng gồm 214 ngày, tiền lãi mà bà C đã trả cho L1 là: 20.000.000 đồng x 01%/ngày x 214 ngày = 42.800.000 đồng. Trong đó tiền lãi hợp pháp theo quy định của pháp luật là 2.345.205 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 40.454.795 đồng.

Từ ngày 10/01/2022 đến ngày 17/4/2022, bà C mượn L1 thêm tổng cộng số tiền 10.000.000 đồng nhưng không làm giấy tờ, L1 đưa tiền mặt cho bà C và L1 không tính lãi suất đối với khoản vay này.

Từ ngày 10/01/2022 đến ngày 18/4/2022, tổng cộng gồm 99 ngày, bà C chưa trả tiền lãi cho L1 nhưng L1 vẫn tính. Số tiền lãi mà L1 tính là: 10.000.000 đồng x 01%/ngày x 99 ngày = 9.900.000 đồng. Trong đó tiền lãi hợp pháp theo quy định của pháp luật là 1.084.932 đồng. Số tiền mà L1 thu lợi bất chính là 8.815.068 đồng.

Vậy, tổng cộng lần vay này L1 nhằm thu số tiền lãi là: 42.800.000 đồng + 9.900.000 đồng = 52.700.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp theo quy định của pháp luật là 2.345.205 đồng + 1.084.932 đồng = 3.430.137 đồng. Số tiền mà L1 nhằm thu lợi bất chính là 40.454.795 đồng + 8.815.068 đồng = 49.269.863 đồng.

Ngày 18/4/2022, L1 cộng số tiền 20.000.000 đồng vay ngày 10/6/2021 và tiền lãi 19.800.000 đồng thành 39.800.000 đồng, làm tròn thành 39.000.000 đồng để tính tiền lãi về sau, với lãi suất là 01%/ngày. Bà C đã trả tiền lãi liên tục từ ngày 18/4/2022 đến ngày 17/5/2022, tổng cộng 30 ngày, số tiền lãi mà bà C đã trả cho L1 là:  $39.000.000 \text{ đồng} \times 01\%/\text{ngày} \times 30 \text{ ngày} = 11.700.000 \text{ đồng}$ . Trong đó tiền lãi hợp pháp theo quy định của pháp luật là 641.096 đồng. Số tiền mà L1 thu lợi bất chính là 11.058.904 đồng.

Khoảng 19 giờ ngày 18/5/2022, bà C đến nhà L1 để tính số tiền gốc, tiền lãi. L1 tính bà C còn nợ L1 tiền gốc 39.800.000 đồng, bà C xin giảm lãi suất thì L1 đồng ý. L1 nhờ chị Đinh Thị Thúy H ghi cho bà C giấy mượn số tiền 39.800.000 đồng và yêu cầu bà C mỗi ngày phải trả cho L1 số tiền 160.000 đồng, trong đó 100.000 đồng là để trả tiền gốc và 60.000 đồng là trả tiền lãi (tương đương lãi suất 0,15%/ngày) thì bà C đồng ý. Từ ngày 18/5/2022 đến ngày 13/12/2022, bà C đã trả liên tục tổng cộng 210 ngày, trong đó trả tiền gốc là:  $100.000 \text{ đồng}/\text{ngày} \times 210 \text{ ngày} = 21.000.000 \text{ đồng}$ , trả tiền lãi là  $60.000 \text{ đồng} /\text{ngày} \times 210 \text{ ngày} = 12.600.000 \text{ đồng}$ . Từ ngày 14/12/2022 đến ngày 01/4/2023, bà C xin không tính tiền lãi nữa thì L1 đồng ý.

Ngày 02/4/2023, bà C đến nhà L1 để tính tiền gốc, tiền lãi. Tại đây L1 nhờ bà Hoàng ghi chữ ở mặt sau giấy mượn tiền của Cà. L1 chốt lại Cà còn nợ L1 số tiền 28.800.000 đồng (cụ thể là:  $39.800.000 \text{ đồng} - 21.000.000 \text{ đồng} + 10.000.000 \text{ đồng}$  (số tiền này Cà vay trước đó mà L1 không tính lãi suất)). L1 nói không tính lãi suất nữa và yêu cầu bà C mỗi ngày trả tiền gốc là 30.000 đồng thì bà C đồng ý và bà C ký tên vào tờ giấy này. Từ ngày 02/4/2023 đến ngày 19/4/2023, bà C đã trả liên tục tổng cộng 18 ngày, tổng số tiền gốc bà C đã trả là:  $30.000 \text{ đồng}/\text{ngày} \times 18 \text{ ngày} = 540.000 \text{ đồng}$ .

Như vậy, từ ngày 10/6/2021 đến ngày 17/5/2022, tổng số tiền gốc mà Doãn Thị L đã cho Nguyễn Thị C vay là:  $20.000.000 \text{ đồng}$  (lãi suất 01%/ngày) +  $10.000.000 \text{ đồng}$  (không tính lãi suất) =  $30.000.000 \text{ đồng}$ . Tổng số tiền gốc mà Cà đã trả cho L1 là:  $21.000.000 \text{ đồng}$ . Như vậy, bà C đã thanh toán xong tiền gốc 20.000.000 đồng vay ngày 10/6/2021 và trả dư cho L1 thêm 1.000.000 đồng. Bà C đã trả cho L1 540.000 đồng tiền gốc của khoản vay 10.000.000 đồng (không tính lãi suất). Tổng số tiền lãi mà L1 đã nhằm thu từ bà C (với lãi suất 01%/ngày) trong các lần cho vay tiền là:  $62.600.000 \text{ đồng} + 11.700.000 \text{ đồng} = 74.300.000 \text{ đồng}$ . Trong đó số tiền lãi mà thực tế L1 đã thu là:  $42.800.000 \text{ đồng} + 11.700.000 \text{ đồng} = 54.500.000 \text{ đồng}$ , số tiền lãi mà L1 chưa thu được là 19.800.000 đồng. Tổng số tiền lãi hợp pháp mà L1 nhằm thu là  $2.345.205 \text{ đồng} + 1.084.932 \text{ đồng} + 641.096 \text{ đồng} = 4.071.233 \text{ đồng}$ . Tổng số tiền lãi hợp pháp mà thực tế L1 đã thu là  $2.345.205 \text{ đồng} + 641.096 \text{ đồng} = 2.986.301 \text{ đồng}$ .

Tổng số tiền L1 nhằm thu lợi bất chính khi cho bà C vay tiền là:  $74.300.000 \text{ đồng} - 4.071.233 \text{ đồng} = 70.228.767 \text{ đồng}$ . Tổng số tiền thực tế L1 đã thu lợi bất chính là:  $54.500.000 \text{ đồng} - 2.986.301 \text{ đồng} = 51.513.699 \text{ đồng}$ .

Ngoài ra, L1 còn cho bà C vay tiền với lãi suất 0,15%/ngày của số tiền 39.000.000 đồng từ ngày 18/5/2022 đến 13/12/2022, tương đương 54,75%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 2,74 lần (54,75%/20%).

4. Cho bà Lê Thị Kiều L3 vay tiền, thu tiền lãi như sau:

*Lần thứ 1:* Ngày 14/3/2021, L1 cho bà Lê Thị Kiều L3 vay số tiền 5.000.000 đồng, với lãi suất 01%/ngày. Bà L3 đã trả tiền lãi liên tục từ ngày 14/3/2021 đến ngày 04/01/2022, tổng cộng 297 ngày, số tiền lãi bà L3 đã trả cho L1 là:  $5.000.000 \text{ đồng} \times 01\%/\text{ngày} \times 297 \text{ ngày} = 14.850.000 \text{ đồng}$ . Trong đó tiền lãi hợp pháp theo quy định của pháp luật là 813.699 đồng. Số tiền mà L1 thu lợi bất chính là 14.036.301 đồng.

Từ ngày 05/01/2022 đến ngày 31/01/2022, bà L3 không trả được tiền lãi nhưng L1 vẫn tính, số tiền lãi L1 tính là:  $5.000.000 \text{ đồng} \times 01\%/\text{ngày} \times 27 \text{ ngày} = 1.350.000 \text{ đồng}$ . Trong đó tiền lãi hợp pháp theo quy định của pháp luật là 73.973 đồng. Số tiền mà L1 nhằm thu lợi bất chính là 1.276.027 đồng.

Tổng số tiền L1 nhằm thu lợi bất chính ở lần vay này là:  $14.036.301 \text{ đồng} + 1.276.027 \text{ đồng} = 15.312.328 \text{ đồng}$ .

*Lần thứ 2:* Ngày 22/3/2021, L1 cho bà L3 vay số tiền 5.000.000 đồng, với lãi suất 01%/ngày. Bà L3 đã trả tiền lãi liên tục từ ngày 22/3/2021 đến ngày 04/01/2022, tổng cộng 289 ngày, số tiền lãi bà L3 đã trả cho L1 là:  $5.000.000 \text{ đồng} \times 01\%/\text{ngày} \times 289 \text{ ngày} = 14.450.000 \text{ đồng}$ . Trong đó tiền lãi hợp pháp theo quy định của pháp luật là 791.781 đồng. Số tiền mà L1 thu lợi bất chính là 13.658.219 đồng.

Từ ngày 05/01/2022 đến ngày 31/01/2022, bà L3 không trả được tiền lãi nhưng L1 vẫn tính, số tiền lãi L1 tính là:  $5.000.000 \text{ đồng} \times 01\%/\text{ngày} \times 27 \text{ ngày} = 1.350.000 \text{ đồng}$ . Trong đó tiền lãi hợp pháp theo quy định của pháp luật là 73.973 đồng. Số tiền mà L1 nhằm thu lợi bất chính là 1.276.027 đồng.

Tổng số tiền L1 nhằm thu lợi bất chính ở lần cho vay này là:  $13.658.219 \text{ đồng} + 1.276.027 \text{ đồng} = 14.934.246 \text{ đồng}$ .

*Lần thứ 3:* Ngày 29/3/2021, L1 cho bà L3 vay số tiền 3.000.000 đồng, với lãi suất 01%/ngày. Bà L3 đã trả tiền lãi liên tục từ ngày 29/3/2021 đến ngày 04/01/2022, tổng cộng 282 ngày, số tiền lãi bà L3 đã trả cho L1 là:  $3.000.000 \text{ đồng} \times 01\%/\text{ngày} \times 282 \text{ ngày} = 8.460.000 \text{ đồng}$ . Trong đó tiền lãi

hợp pháp theo quy định của pháp luật là 463.562 đồng. Số tiền mà L1 thu lợi bất chính là 7.996.438 đồng.

Từ ngày 05/01/2022 đến ngày 31/01/2022, bà L3 không trả được tiền lãi nhưng L1 vẫn tính, số tiền lãi L1 tính là:  $3.000.000 \text{ đồng} \times 01\%/\text{ngày} \times 27 \text{ ngày} = 810.000 \text{ đồng}$ . Trong đó tiền lãi hợp pháp theo quy định của pháp luật là 44.384 đồng. Số tiền mà L1 nhằm thu lợi bất chính là 765.616 đồng.

Tổng số tiền L1 nhằm thu lợi bất chính ở lần cho vay này là:  $7.996.438 \text{ đồng} + 765.616 \text{ đồng} = 8.762.054 \text{ đồng}$ .

*Lần thứ 4:* Ngày 06/4/2021, L1 cho bà L3 vay số tiền 2.000.000 đồng, với lãi suất 01%/ngày. Bà L3 đã trả tiền lãi liên tục từ ngày 06/4/2021 đến ngày 04/01/2022, tổng cộng 274 ngày, số tiền lãi bà L3 đã trả cho L1 là:  $2.000.000 \text{ đồng} \times 01\%/\text{ngày} \times 274 \text{ ngày} = 5.480.000 \text{ đồng}$ . Trong đó tiền lãi hợp pháp theo quy định của pháp luật là 300.274 đồng. Số tiền mà L1 thu lợi bất chính là 5.179.726 đồng.

Từ ngày 05/01/2022 đến ngày 31/01/2022, bà L3 không trả được tiền lãi nhưng L1 vẫn tính, số tiền lãi L1 tính là:  $2.000.000 \text{ đồng} \times 01\%/\text{ngày} \times 27 \text{ ngày} = 540.000 \text{ đồng}$ . Trong đó tiền lãi hợp pháp theo quy định của pháp luật là 29.589 đồng. Số tiền mà L1 nhằm thu lợi bất chính là 510.411 đồng.

Tổng số tiền L1 nhằm thu lợi bất chính ở lần cho vay này là:  $5.179.726 \text{ đồng} + 510.411 \text{ đồng} = 5.690.137 \text{ đồng}$ .

*Lần thứ 5:* Ngày 16/4/2021, L1 cho bà L3 vay số tiền 10.000.000 đồng, với lãi suất 01%/ngày. Bà L3 đã trả tiền lãi liên tục từ ngày 16/4/2021 đến ngày 04/01/2022, tổng cộng 264 ngày, số tiền lãi bà L3 đã trả cho L1 là:  $10.000.000 \text{ đồng} \times 01\%/\text{ngày} \times 264 \text{ ngày} = 26.400.000 \text{ đồng}$ . Trong đó tiền lãi hợp pháp theo quy định của pháp luật là 1.446.575 đồng. Số tiền mà L1 thu lợi bất chính là 24.953.425 đồng.

Từ ngày 05/01/2022 đến ngày 31/01/2022, bà L3 không trả được tiền lãi nhưng L1 vẫn tính, số tiền lãi L1 tính là:  $10.000.000 \text{ đồng} \times 01\%/\text{ngày} \times 27 \text{ ngày} = 2.700.000 \text{ đồng}$ . Trong đó tiền lãi hợp pháp theo quy định của pháp luật là 147.945 đồng. Số tiền mà L1 thu lợi bất chính là 2.552.055 đồng.

Tổng số tiền L1 nhằm thu lợi bất chính ở lần cho vay này là:  $24.953.425 \text{ đồng} + 2.552.055 \text{ đồng} = 27.505.480 \text{ đồng}$ .

*Lần thứ 6:* Ngày 01/5/2021, L1 cho bà L3 vay số tiền 5.000.000 đồng, với lãi suất 01%/ngày. Bà L3 đã trả tiền lãi liên tục từ ngày 01/5/2021 đến ngày 04/01/2022, tổng cộng 249 ngày, số tiền lãi bà L3 đã trả cho L1 là:  $5.000.000 \text{ đồng} \times 01\%/\text{ngày} \times 249 \text{ ngày} = 12.450.000 \text{ đồng}$ . Trong đó tiền lãi hợp pháp theo quy định của pháp luật là 682.192 đồng. Số tiền mà L1 thu lợi bất chính là 11.767.808 đồng.



Từ ngày 05/01/2022 đến ngày 31/01/2022, bà L3 không trả được tiền lãi nhưng L1 vẫn tính, số tiền lãi L1 tính là:  $5.000.000 \text{ đồng} \times 01\%/\text{ngày} \times 27 \text{ ngày} = 1.350.000 \text{ đồng}$ . Trong đó tiền lãi hợp pháp theo quy định của pháp luật là 73.973 đồng. Số tiền mà L1 nhằm thu lợi bất chính là 1.276.027 đồng.

Tổng số tiền L1 nhằm thu lợi bất chính ở lần cho vay này là:  $11.767.808 \text{ đồng} + 1.276.027 \text{ đồng} = 13.043.835 \text{ đồng}$ .

*Lần thứ 7:* Ngày 06/5/2021, L1 cho bà L3 vay số tiền 5.000.000 đồng, với lãi suất 01%/ngày. Bà L3 đã trả tiền lãi liên tục từ ngày 06/5/2021 đến ngày 04/01/2022, tổng cộng 244 ngày, số tiền lãi bà L3 đã trả cho L1 là:  $5.000.000 \text{ đồng} \times 01\%/\text{ngày} \times 244 \text{ ngày} = 12.200.000 \text{ đồng}$ . Trong đó tiền lãi hợp pháp theo quy định của pháp luật là 668.493 đồng. Số tiền mà L1 thu lợi bất chính là 11.531.507 đồng.

Từ ngày 05/01/2022 đến ngày 31/01/2022, bà L3 không trả được tiền lãi nhưng L1 vẫn tính, số tiền lãi L1 tính là:  $5.000.000 \text{ đồng} \times 01\%/\text{ngày} \times 27 \text{ ngày} = 1.350.000 \text{ đồng}$ . Trong đó tiền lãi hợp pháp theo quy định của pháp luật là 73.973 đồng. Số tiền mà L1 nhằm thu lợi bất chính là 1.276.027 đồng.

Tổng số tiền L1 nhằm thu lợi bất chính ở lần cho vay này là:  $11.531.507 \text{ đồng} + 1.276.027 \text{ đồng} = 12.807.534 \text{ đồng}$ .

*Lần thứ 8:* Ngày 11/5/2021, L1 cho bà L3 vay số tiền 3.000.000 đồng, với lãi suất 01%/ngày.

Bà L3 đã trả tiền lãi liên tục từ ngày 11/5/2021 đến ngày 04/01/2022, tổng cộng 239 ngày, số tiền lãi bà L3 đã trả cho L1 là:  $3.000.000 \text{ đồng} \times 01\%/\text{ngày} \times 239 \text{ ngày} = 7.170.000 \text{ đồng}$ . Trong đó tiền lãi hợp pháp theo quy định của pháp luật là 392.877 đồng. Số tiền mà L1 thu lợi bất chính là 6.777.123 đồng.

Từ ngày 05/01/2022 đến ngày 31/01/2022, bà L3 không trả được tiền lãi nhưng L1 vẫn tính, số tiền lãi L1 tính là:  $3.000.000 \text{ đồng} \times 01\%/\text{ngày} \times 27 \text{ ngày} = 810.000 \text{ đồng}$ . Trong đó tiền lãi hợp pháp theo quy định của pháp luật là 44.384 đồng. Số tiền mà L1 nhằm thu lợi bất chính là 765.616 đồng.

Tổng số tiền L1 nhằm thu lợi bất chính ở lần cho vay này là:  $6.777.123 \text{ đồng} + 765.616 \text{ đồng} = 7.542.739 \text{ đồng}$ .

Như vậy, đến 31/01/2022, tổng số tiền gốc mà L1 đã cho L3 vay là 38.000.000 đồng, tổng số tiền lãi mà bà L3 chưa trả cho L1 là 10.260.000 đồng, L1 làm tròn thành 10.000.000 đồng. Ngày 31/01/2022, L1 cộng tiền lãi 10.000.000 đồng và tiền gốc 38.000.000 đồng thành 48.000.000 đồng, tạo thành một lần vay mới để tính tiền lãi với lãi suất là 01%/ngày. L1 nhờ bà Hường ghi giấy mượn tiền và yêu cầu bà L3 ký tên vào giấy.

Từ ngày 31/01/2022 đến ngày 28/02/2022, bà L3 không trả được tiền lãi nhưng L1 vẫn tính, số tiền lãi L1 nhằm thu trong 29 ngày là:  $48.000.000 \text{ đồng} \times 01\%/\text{ngày} \times 29 \text{ ngày} = 13.920.000 \text{ đồng}$ . Trong đó tiền lãi hợp pháp theo quy định của pháp luật là 762.740 đồng. Số tiền mà L1 nhằm thu lợi bất chính là 13.157.260 đồng.

Ngày 28/02/2022, L1 làm giảm tiền lãi từ 13.920.000 đồng xuống 12.000.000 đồng và cộng với 48.000.000 đồng thành bà L3 nợ L1 số tiền 60.000.000 đồng. Bà L3 và L1 nhờ anh Lê Ngọc Ng (sinh năm 2009; cư trú tại thôn Ploi T, xã Ia Kd, huyện I, là cháu của bà L3) ghi giúp giấy nợ số tiền 60.000.000 đồng, bà L3 ký tên vào giấy và đưa giấy cho L1 giữ. Lúc này, L1 không tính lãi suất nữa và yêu cầu bà L3 phải trả góp tiền gốc mỗi ngày là 50.000 đồng cho L1 thì bà L3 đồng ý.

Từ ngày 28/02/2022 đến ngày 16/4/2023, bà L3 đã trả tiền cho L1 liên tục, đều đặn mỗi ngày 50.000 đồng (trả tiền gốc), tổng cộng 413 ngày, tổng số tiền gốc đã trả là:  $50.000 \text{ đồng}/\text{ngày} \times 413 \text{ ngày} = 20.650.000 \text{ đồng}$ .

Như vậy, từ ngày 14/3/2021 đến 16/4/2023, tổng số tiền gốc mà Doãn Thị L đã cho Lê Thị Kiều L3 vay là 38.000.000 đồng. Tổng số tiền gốc mà bà L3 đã trả cho L1 là: 20.650.000 đồng. Tổng số tiền gốc mà bà L3 chưa trả cho L1 là:  $38.000.000 \text{ đồng} - 20.650.000 \text{ đồng} = 17.350.000 \text{ đồng}$ .

Tổng số tiền lãi mà L1 nhằm thu từ bà L3 (với lãi suất 01%/ngày) trong tất cả các lần cho vay tiền là 125.640.000 đồng. Số tiền lãi mà L1 chưa thu được là:  $10.260.000 \text{ đồng} + 13.920.000 \text{ đồng} = 24.180.000 \text{ đồng}$ . Số tiền lãi thực tế L1 đã thu từ bà L3 là:  $125.640.000 \text{ đồng} - 24.180.000 \text{ đồng} = 101.460.000 \text{ đồng}$ . Tổng số tiền lãi hợp pháp mà L1 nhằm thu là 6.884.387 đồng. Tổng số tiền lãi hợp pháp mà thực tế L1 đã thu là 5.559.453 đồng.

Tổng số tiền L1 nhằm thu lợi bất chính khi cho bà L3 vay tiền là:  $125.640.000 \text{ đồng} - 6.884.387 \text{ đồng} = 118.755.613 \text{ đồng}$ . Tổng số tiền thực tế L1 đã thu lợi bất chính là:  $101.460.000 \text{ đồng} - 5.559.453 \text{ đồng} = 95.900.547 \text{ đồng}$ .

5. Cho bà Bùi Thị B1 vay tiền, thu tiền lãi như sau:

*Lần thứ 1:* Ngày 13/02/2020, L1 cho bà Bùi Thị B1 vay số tiền 20.000.000 đồng, với lãi suất là 01%/ngày. Bà B1 đã trả tiền lãi liên tục từ ngày 13/02/2020 đến ngày 05/9/2021, tổng cộng 571 ngày, số tiền lãi Bà B1 đã trả cho L1 là:  $20.000.000 \text{ đồng} \times 01\%/\text{ngày} \times 571 \text{ ngày} = 114.200.000 \text{ đồng}$ . Trong đó tiền lãi hợp pháp theo quy định của pháp luật là 6.257.534 đồng. Số tiền mà L1 thu lợi bất chính là 107.942.466 đồng.

*Lần thứ 2:* Ngày 13/10/2020, L1 cho Bà B1 vay số tiền 50.000.000 đồng, với lãi suất là 01%/ngày. Bà B1 đã trả tiền lãi liên tục từ ngày 13/10/2020 đến ngày 05/9/2021, tổng cộng 328 ngày, số tiền lãi Bà B1 đã trả cho L1 là:  $50.000.000 \text{ đồng} \times 01\%/\text{ngày} \times 328 \text{ ngày} = 164.000.000 \text{ đồng}$ .

Trong đó tiền lãi hợp pháp theo quy định của pháp luật là 8.986.301 đồng. Số tiền mà L1 thu lợi bất chính là 155.013.699 đồng.

*Lần thứ 3:* Ngày 13/4/2021, L1 cho Bà B1 vay số tiền 50.000.000 đồng, với lãi suất là 01%/ngày. Bảo đã trả tiền lãi liên tục từ ngày 13/4/2021 đến ngày 05/9/2021, tổng cộng 146 ngày, số tiền lãi Bà B1 đã trả cho L1 là: 50.000.000 đồng x 01%/ngày x 146 ngày = 73.000.000 đồng. Trong đó tiền lãi hợp pháp theo quy định của pháp luật là 4.000.000 đồng. Số tiền mà L1 thu lợi bất chính là 69.000.000 đồng.

*Lần thứ 4:* Ngày 05/7/2021, L1 cho Bà B1 vay số tiền 50.000.000 đồng, với lãi suất là 01%/ngày. Bảo đã trả tiền lãi liên tục từ ngày 05/7/2021 đến ngày 05/9/2021, tổng cộng 63 ngày, số tiền lãi Bà B1 đã trả cho L1 là: 50.000.000 đồng x 01%/ngày x 63 ngày = 31.500.000 đồng. Trong đó tiền lãi hợp pháp theo quy định của pháp luật là 1.726.027 đồng. Số tiền mà L1 thu lợi bất chính là 29.773.973 đồng.

*Lần thứ 5:* Ngày 20/8/2022, L1 cho Bà B1 vay số tiền 2.000.000 đồng với lãi suất là 01%/ngày. L1 nhờ chị H ghi giấy vay tiền, yêu cầu Bà B1 ký tên vào giấy và đưa giấy cho L1 giữ. Bà B1 đã trả tiền lãi từ ngày 20/8/2022 đến ngày 21/8/2022, tổng cộng gồm 02 ngày, số tiền lãi Bà B1 đã trả cho L1 là: 2.000.000 đồng x 01%/ngày x 02 ngày = 40.000 đồng. Trong đó tiền lãi hợp pháp theo quy định của pháp luật là 2.192 đồng. Số tiền mà L1 thu lợi bất chính là 37.808 đồng. Đến ngày 21/8/2022, Bà B1 đã thanh toán xong tiền gốc và kết thúc khoản vay trên.

Ngày 25/9/2021, L1 đến nhà Bà B1 mang theo 01 giấy mượn tiền đánh máy sẵn. Tại đây, L1 thông báo không tính lãi suất nữa và cho Bà B1 giảm tiền gốc nợ từ 170.000.000 đồng xuống còn 80.000.000 đồng, L1 yêu cầu Bà B1 viết giấy nợ 80.000.000 đồng, mỗi tháng Bà B1 phải trả tiền gốc 3.000.000 đồng cho L1 thì Bà B1 đồng ý. Về sau Bà B1 đã trả tiền gốc cho L1 tổng số tiền 21.000.000 đồng.

Như vậy, từ ngày 13/02/2020 đến 21/8/2022, tổng số tiền gốc mà Doãn Thị L đã cho Bùi Thị B1 vay với lãi suất 01%/ngày là: 20.000.000 đồng + 50.000.000 đồng + 50.000.000 đồng + 50.000.000 đồng + 2.000.000 đồng = 172.000.000 đồng. Tổng số tiền gốc mà Bà B1 đã trả cho L1 là: 21.000.000 đồng + 2.000.000 đồng = 23.000.000 đồng. Tổng số tiền gốc mà Bà B1 còn nợ L1 là: 172.000.000 đồng - 23.000.000 đồng = 149.000.000 đồng.

Tổng số tiền lãi mà Doãn Thị L thực tế đã thu từ bà Bùi Thị B1 với lãi suất 01%/ngày là 382.740.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp theo quy định của pháp luật là 20.972.054 đồng. Số tiền mà L1 thu lợi bất chính là 361.767.946 đồng.

6. Cho bà Đào Thị Thu T vay tiền, thu tiền lãi như sau:

*Lần thứ 1:* Ngày 21/02/2021, L1 cho bà T1 vay số tiền 50.000.000 đồng, với lãi suất là 01%/ngày. L1 nhờ chị H ghi giấy mượn tiền, yêu cầu bà T1 ký tên vào giấy rồi đưa giấy cho L1 giữ. Bà T1 đã trả tiền lãi liên tục từ ngày 21/02/2021 đến ngày 11/3/2022, tổng cộng 384 ngày, số tiền lãi bà T1 đã trả cho L1 là:  $50.000.000 \text{ đồng} \times 01\%/\text{ngày} \times 384 \text{ ngày} = 192.000.000 \text{ đồng}$ . Trong đó tiền lãi hợp pháp theo quy định của pháp luật là 10.520.548 đồng. Số tiền mà L1 thu lợi bất chính là 181.479.452 đồng.

Từ ngày 11/3/2022 đến ngày 18/3/2022, bà T1 không trả được tiền lãi nhưng L1 vẫn tính, số tiền lãi L1 tính là:  $50.000.000 \text{ đồng} \times 01\%/\text{ngày} \times 7 \text{ ngày} = 3.500.000 \text{ đồng}$ . Trong đó tiền lãi hợp pháp theo quy định của pháp luật là 191.781 đồng. Số tiền mà L1 nhằm thu lợi bất chính là 3.308.219 đồng.

Tổng số tiền L1 nhằm thu lợi bất chính ở lần vay này là: 181.479.452 đồng + 3.308.219 đồng = 184.787.671 đồng.

*Lần thứ 2:* Ngày 22/5/2021, L1 cho bà T1 vay số tiền 20.000.000 đồng, với lãi suất là 01%/ngày. Bà T1 đã trả tiền lãi liên tục từ ngày 22/5/2021 đến ngày 11/3/2022, tổng cộng 294 ngày, số tiền lãi bà T1 đã trả cho L1 là:  $20.000.000 \text{ đồng} \times 01\%/\text{ngày} \times 294 \text{ ngày} = 58.800.000 \text{ đồng}$ . Trong đó tiền lãi hợp pháp theo quy định của pháp luật là 3.221.918 đồng. Số tiền mà L1 thu lợi bất chính là 55.578.082 đồng.

Từ ngày 11/3/2022 đến ngày 18/3/2022, bà T1 không trả được tiền lãi nhưng L1 vẫn tính, số tiền lãi L1 tính là:  $20.000.000 \text{ đồng} \times 01\%/\text{ngày} \times 7 \text{ ngày} = 1.400.000 \text{ đồng}$ . Trong đó tiền lãi hợp pháp theo quy định của pháp luật là 76.712 đồng. Số tiền mà L1 nhằm thu lợi bất chính là 1.323.288 đồng.

Tổng số tiền L1 nhằm thu lợi bất chính ở lần vay này là: 55.578.082 đồng + 1.323.288 đồng = 56.901.370 đồng.

*Lần thứ 3:* Ngày 11/6/2021, L1 cho bà T1 vay số tiền 10.000.000 đồng, với lãi suất là 01%/ngày. Bà T1 đã trả tiền lãi liên tục từ ngày 11/6/2021 đến ngày 11/3/2022, tổng cộng 274 ngày, số tiền lãi bà T1 đã trả cho L1 là:  $10.000.000 \text{ đồng} \times 01\%/\text{ngày} \times 274 \text{ ngày} = 27.400.000 \text{ đồng}$ . Trong đó tiền lãi hợp pháp theo quy định của pháp luật là 1.501.370 đồng. Số tiền mà L1 thu lợi bất chính là 25.898.630 đồng.

Từ ngày 11/3/2022 đến ngày 18/3/2022, bà T1 không trả được tiền lãi nhưng L1 vẫn tính, số tiền lãi L1 tính là:  $10.000.000 \text{ đồng} \times 01\%/\text{ngày} \times 07 \text{ ngày} = 700.000 \text{ đồng}$ . Trong đó tiền lãi hợp pháp theo quy định của pháp luật là 38.356 đồng. Số tiền mà L1 nhằm thu lợi bất chính là 661.644 đồng. Tổng số tiền L1 nhằm thu lợi bất chính ở lần vay này là: 25.898.630 đồng + 661.644 đồng = 26.560.274 đồng.

*Lần thứ 4:* Ngày 02/02/2022, L1 cho bà T1 vay số tiền 20.000.000 đồng, với lãi suất là 01%/ngày. Bà T1 đã trả tiền lãi liên tục từ ngày 02/02/2022 đến ngày 11/3/2022, tổng cộng 38 ngày, số tiền lãi bà T1 đã trả cho L1 là: 20.000.000 đồng x 01%/ngày x 38 ngày = 7.600.000 đồng. Trong đó tiền lãi hợp pháp theo quy định của pháp luật là 416.438 đồng. Số tiền mà L1 đã thu lợi bất chính là 7.183.562 đồng.

Từ ngày 11/3/2022 đến ngày 18/3/2022, bà T1 không trả được tiền lãi nhưng L1 vẫn tính, số tiền lãi L1 tính là: 20.000.000 đồng x 01%/ngày x 07 ngày = 1.400.000 đồng. Trong đó tiền lãi hợp pháp theo quy định của pháp luật là 76.712 đồng. Số tiền mà L1 nhằm thu lợi bất chính là 1.323.288 đồng.

Tổng số tiền L1 nhằm thu lợi bất chính ở lần vay này là: 7.183.562 đồng + 1.323.288 đồng = 8.506.850 đồng.

*Lần thứ 5:* Ngày 20/02/2022, L1 cho bà T1 vay số tiền 20.000.000 đồng, với lãi suất là 01%/ngày. Bà T1 đã trả tiền lãi liên tục từ ngày 20/02/2022 đến ngày 11/3/2022, tổng cộng 20 ngày, số tiền lãi bà T1 đã trả cho L1 là: 20.000.000 đồng x 01%/ngày x 20 ngày = 4.000.000 đồng. Trong đó tiền lãi hợp pháp theo quy định của pháp luật là 219.178 đồng. Số tiền mà L1 đã thu lợi bất chính là 3.780.822 đồng.

Từ ngày 11/3/2022 đến ngày 18/3/2022, bà T1 không trả được tiền lãi nhưng L1 vẫn tính, số tiền lãi L1 tính là: 20.000.000 đồng x 01%/ngày x 7 ngày = 1.400.000 đồng. Trong đó tiền lãi hợp pháp theo quy định của pháp luật là 76.712 đồng. Số tiền mà L1 nhằm thu lợi bất chính là 1.323.288 đồng.

Tổng số tiền L1 nhằm thu lợi bất chính ở lần vay này là: 3.780.822 đồng + 1.323.288 đồng = 5.104.110 đồng.

Ngoài ra L1 còn cho T1 vay số tiền 2.600.000 đồng, nhưng L1 không tính lãi. Số tiền gốc này bà T1 chưa trả cho L1.

Ngày 18/3/2022, bà T1 đến nhà L1 để tính chốt số tiền mà T1 còn nợ L1. L1 tính T1 còn nợ L1 gồm: 120.000.000 đồng (tiền gốc của 05 khoản vay) + 8.400.000 đồng (tổng tiền lãi của 05 khoản vay mà T1 chưa trả cho L1) + 2.600.000 đồng (*số tiền bà T1 mượn L1 trước đó*) = 131.000.000 đồng (một trăm ba mươi một triệu đồng). Bà T1 xin không tính lãi suất nữa và hứa sẽ đi làm để trả tiền gốc cho L1 thì L1 đồng ý. L1 chờ chị H ghi giấy mượn số tiền 131.000.000 đồng và yêu cầu bà T1 ký tên vào giấy.

Như vậy, từ ngày 21/02/2021 đến 18/3/2022, tổng số tiền gốc mà Doãn Thị L đã cho bà Đào Thị Thu T vay với lãi suất 01%/ngày là: 120.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi mà L1 nhằm thu từ bà T1 trong tất cả các lần cho vay tiền là 298.200.000 đồng. Số tiền lãi mà L1 chưa thu được

là: 8.400.000 đồng. Số tiền lãi thực tế L1 đã thu từ bà T1 là: 289.800.000 đồng.

Tổng số tiền lãi hợp pháp mà L1 nhằm thu là 16.339.725 đồng. Tổng số tiền lãi hợp pháp mà thực tế L1 đã thu là 15.879.452 đồng.

Tổng số tiền L1 nhằm thu lợi bất chính khi cho bà T1 vay tiền là: 298.200.000 đồng - 16.339.725 đồng = 281.860.275 đồng. Tổng số tiền thực tế L1 đã thu lợi bất chính là: 289.800.000 đồng - 15.879.452 đồng = 273.920.548 đồng.

7. Cho bà Phạm Thị Ngọc L4 vay tiền, thu tiền lãi như sau:

*Lần thứ 1:* Ngày 22/02/2021, L1 cho bà L4 vay số tiền 10.000.000 đồng, với lãi suất là 01%/ngày. Bà L4 đã trả tiền lãi liên tục từ ngày 22/02/2021 đến ngày 21/01/2022, tổng cộng 334 ngày, số tiền lãi bà L4 đã trả cho L1 là: 10.000.000 đồng x 01%/ngày x 334 ngày = 33.400.000 đồng. Trong đó tiền lãi hợp pháp theo quy định của pháp luật là 1.830.137 đồng. Số tiền mà L1 đã thu lợi bất chính là 31.569.863 đồng.

*Lần thứ 2:* Ngày 21/4/2021, L1 cho bà L4 vay số tiền 20.000.000 đồng, với lãi suất là 01%/ngày. L4 đã trả tiền lãi liên tục từ ngày 21/4/2021 đến ngày 21/01/2022, tổng cộng 276 ngày, số tiền lãi bà L4 đã trả cho L1 là: 20.000.000 đồng x 01%/ngày x 276 ngày = 55.200.000 đồng. Trong đó tiền lãi hợp pháp theo quy định của pháp luật là 3.024.658 đồng. Số tiền mà L1 đã thu lợi bất chính là 52.175.342 đồng.

*Lần thứ 3:* Ngày 19/6/2021, L1 cho bà L4 vay số tiền 20.000.000 đồng, với lãi suất là 01%/ngày. L4 đã trả tiền lãi liên tục từ ngày 19/6/2021 đến ngày 21/01/2022, tổng cộng 217 ngày, số tiền lãi bà L4 đã trả cho L1 là: 20.000.000 đồng x 01%/ngày x 217 ngày = 43.400.000 đồng. Trong đó tiền lãi hợp pháp theo quy định của pháp luật là 2.378.082 đồng. Số tiền mà L1 đã thu lợi bất chính là 41.021.918 đồng.

*Lần thứ 4:* Ngày 17/8/2021, L1 cho bà L4 vay số tiền 10.000.000 đồng, với lãi suất là 01%/ngày. L4 đã trả tiền lãi liên tục từ ngày 17/8/2021 đến ngày 21/01/2022, tổng cộng 158 ngày, số tiền lãi bà L4 đã trả cho L1 là: 10.000.000 đồng x 01%/ngày x 158 ngày = 15.800.000 đồng. Trong đó tiền lãi hợp pháp theo quy định của pháp luật là 865.753 đồng. Số tiền mà L1 thu lợi bất chính là 14.934.247 đồng.

*Lần thứ 5:* Ngày 15/10/2021, L1 cho bà L4 vay số tiền 10.000.000 đồng, với lãi suất là 01%/ngày. L4 đã trả tiền lãi liên tục từ ngày 15/10/2021 đến ngày 21/01/2022, tổng cộng 99 ngày, số tiền lãi bà L4 đã trả cho L1 là: 10.000.000 đồng x 01%/ngày x 99 ngày = 9.900.000 đồng. Trong đó tiền lãi hợp pháp theo quy định của pháp luật là 542.466 đồng. Số tiền mà L1 thu lợi bất chính là 9.357.534 đồng.

*Lần thứ 6:* Ngày 13/12/2021, L1 cho bà L4 vay số tiền 10.000.000 đồng, với lãi suất là 01%/ngày. L4 đã trả tiền lãi liên tục từ ngày 13/12/2021 đến ngày 21/01/2022, tổng cộng 40 ngày, số tiền lãi bà L4 đã trả cho L1 là: 10.000.000 đồng x 01%/ngày x 40 ngày = 4.000.000 đồng. Trong đó tiền lãi hợp pháp theo quy định của pháp luật là 219.178 đồng. Số tiền mà L1 thu lợi bất chính là 3.780.822 đồng.

*Lần thứ 7:* Ngày 12/01/2022, L1 cho bà L4 vay số tiền 10.000.000 đồng, với lãi suất là 01%/ngày. L1 cộng tổng số tiền gốc mà bà L4 chưa trả cho L1 là 90.000.000 đồng, L1 đưa cho bà L4 01 giấy vay tiền có đánh máy sẵn, L1 yêu cầu bà L4 ghi họ tên, số tiền vay và ký tên vào giấy rồi đưa giấy cho L1 giữ.

Bà L4 đã trả tiền lãi liên tục từ ngày 12/01/2022 đến ngày 21/01/2022, tổng cộng 10 ngày, số tiền lãi bà L4 đã trả cho L1 là: 10.000.000 đồng x 01%/ngày x 10 ngày = 1.000.000 đồng. Trong đó tiền lãi hợp pháp theo quy định của pháp luật là 54.795 đồng. Số tiền mà L1 thu lợi bất chính là 945.205 đồng.

Từ ngày 22/01/2022, L1 giảm tiền lãi xuống còn 200.000 đồng/ngày, tức lãi suất là 0,22%/ngày, tương đương 80,3%/năm (0,22% x 365 ngày), vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 4,02 lần (80,3%/20%). Bà L4 đã trả tiền lãi cho L1 liên tục trong 10 ngày, từ ngày 22/01/2022 đến ngày 31/01/2022, tổng cộng là: 200.000 đồng/ngày x 10 ngày = 2.000.000 đồng. Từ ngày 01/02/2022 đến nay, bà L4 không trả tiền lãi cho L1 nữa.

Như vậy, từ ngày 22/02/2021 đến 21/01/2022, tổng số tiền gốc mà Doãn Thị L đã cho bà Phạm Thị Ngọc L4 vay là 90.000.000 đồng, với lãi suất 01%/ngày mà Doãn Thị L đã thu từ bà Phạm Thị Ngọc L4 là 162.700.000 đồng. Trong đó, tổng số tiền lãi hợp pháp là 8.915.069 đồng, tổng số tiền L1 thu lợi bất chính là 153.784.931 đồng, đến nay L4 chưa trả số tiền gốc là 90.000.000 đồng cho L1.

Tại Bản kết luận giám định số 491/KL-KTHS ngày 16 tháng 6 năm 2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh G, kết luận:

1. Chữ viết trên các mẫu cần giám định (Ký hiệu từ A1 đến A6) [trừ chữ viết dưới các mục: “*Người mượn tiền (Ký, ghi rõ họ tên)*” trên mẫu A1, A3, *NGƯỜI VAY TIỀN (Ký, ghi rõ họ tên)*” trên mẫu A2, “*Chữ ký Người mượn tiền*” trên mẫu A4; chữ viết tại mặt sau mẫu A2 và chữ viết “*Bùi Thị B1*” trên mẫu A6] so với chữ viết của Đinh Thị Thúy H trên các mẫu so sánh (Ký hiệu M1, M2 và M3) **do cùng một người viết ra.**

2. Chữ viết trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A8) so với chữ viết của Lê Ngọc Ng trên các mẫu so sánh (Ký hiệu M4, M5) [trừ chữ viết dưới mục “*Bà B ngày 28/2/2022*”] **do cùng một người viết ra.**

3. Chữ viết trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A9) so với chữ viết của Nguyễn Thị L2 trên các mẫu so sánh (Ký hiệu từ M6 đến M9) **do cùng một người viết ra.**

4. Chữ ký, chữ viết họ tên “Doãn Thị L” dưới mục “Người cho mượn (Ký, ghi rõ họ tên)” trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A1) so với chữ ký, chữ viết của Đinh Thị Thuý H trên các mẫu so sánh (Ký hiệu M1, M2 và M3) **do cùng một người ký và viết ra.**

5. Chữ ký, chữ viết họ tên “Đào Thị Thu T” dưới mục “Người mượn tiền (Ký, ghi rõ họ tên)” và “NGƯỜI VAY TIỀN (Ký, ghi rõ họ tên)” trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A1, A2) so với chữ ký, chữ viết của Đào Thị Thu T trên các mẫu so sánh (Ký hiệu từ M10 đến M12) **do cùng một người ký và viết ra.**

6. Chữ ký, chữ viết họ tên “Lê Thị Kiều L3” dưới mục “Người mượn tiền (Ký, ghi rõ họ tên)” và “Bà B ngày 28/2/2022” trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A3, A8) so với chữ ký, chữ viết của Lê Thị Kiều L3 trên các mẫu so sánh (Ký hiệu từ M13 đến M17) **do cùng một người ký và viết ra.**

7. Chữ ký, chữ viết họ tên “ng̃ thị Cà” dưới mục “Chữ ký Người mượn tiền” trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A4) so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thị C trên các mẫu so sánh (Ký hiệu từ M18 đến M20) **do cùng một người ký và viết ra.**

8. Chữ ký, chữ viết họ tên “Bùi Thị B1” trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A6) và dưới mục “Người mượn tiền (Ký, ghi rõ họ tên)” trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A7) so với chữ ký, chữ viết của Bùi Thị B1 trên các mẫu so sánh (Ký hiệu từ M21 đến M25) **do cùng một người ký và viết ra.**

Tại Bản kết luận giám định số 590/KL-KTHS ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh G, kết luận: Chữ ký, chữ viết họ tên “Phạm Thị Ngọc L4” dưới mục “NGƯỜI VAY TIỀN (Ký ghi rõ họ tên)” trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A1) so với chữ ký, chữ viết của Phạm Thị Ngọc L4 trên các mẫu so sánh (Ký hiệu từ M1 đến M5) **do cùng một người ký và viết ra.**

Tại Bản kết luận giám định số 789/KL-KTHS ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Phân viện khoa học hình sự tại Đà Nẵng, kết luận:

- Không phát hiện thấy dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong các tệp âm thanh maux cần giám định.

- Tiếng nói của Doãn Thị L trong mẫu so sánh có trong mẫu cần giám định (ký hiệu ”L1”) trong Bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định).

- Tiếng nói của Đoàn Thị Ngọc B trong mẫu so sánh có trong mẫu cần giám định (ký hiệu ”B”) trong Bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định).



- Nội dung hội thoại trong tệp âm thanh mẫu cần giám định đã được dịch thành văn bản.

Tại bản cáo trạng số: 17/CT – VKS ngày 10/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện I, tỉnh G đã truy tố Doãn Thị L, về tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, theo quy định tại Khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện I, tỉnh G đề nghị:

Tuyên bố bị cáo Doãn Thị L phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” .

Áp dụng khoản 2 Điều 201; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Doãn Thị L từ 07 tháng đến 10 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án, được khấu trừ thời gian bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/4/2023 đến ngày 01/8/2023.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Doãn Thị L có hoàn cảnh gia đình khó khăn, đang phải nuôi con nhỏ. Không đề nghị xử phạt bổ sung đối với tất cả các bị cáo.

Về biện pháp tư pháp:

Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 46, điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Truy thu từ bị cáo Doãn Thị L số tiền 192.453.013 (Một trăm chín mươi hai triệu, bốn trăm năm mươi ba nghìn, không trăm mười ba) đồng để tịch thu sung quỹ nhà nước; trong đó: 128.750.000 (Một trăm hai mươi tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng tiền cho vay (Tiền gốc) và 63.703.013 (Sáu mươi ba triệu bảy trăm lẻ ba nghìn không trăm mười ba) đồng là khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm do phát sinh từ tội phạm.

Truy thu tổng số tiền gốc mà Đoàn Thị Ngọc B, Nguyễn Thị L2, Lê Thị Kiều L3, Bùi Thị B1, Đào Thị Thu T và Phạm Thị Ngọc L4 chưa trả cho Doãn Thị L là 410.250.000 (Bốn trăm mười triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng để tịch thu sung quỹ nhà nước; trong đó truy thu: Đoàn Thị Ngọc B 31.750.000 (Ba mươi một triệu, bảy trăm năm mươi nghìn) đồng, Nguyễn Thị L2 2.150.000 (Hai triệu, một trăm năm mươi nghìn) đồng, Lê Thị Kiều L3 17.350.000 (Mười bảy triệu, ba trăm năm mươi nghìn) đồng, Bùi Thị B1 149.000.000 (Một trăm bốn mươi chín triệu) đồng, Đào Thị Thu T 120.000.000 ( Một trăm hai mươi triệu) đồng và Phạm Thị Ngọc L4 90.000.000 ( Chín mươi triệu) đồng.

Buộc bị cáo Doãn Thị L phải trả lại tổng số tiền 1.098.876.987 (Một tỷ không trăm chín mươi tám triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn chín trăm tám mươi bảy) đồng cho những người vay, cụ thể;

Trả lại cho bà Đoàn Thị Ngọc B 73.329.042 ( Bảy mươi ba triệu, ba trăm hai mươi chín nghìn, không trăm bốn mươi hai) đồng, bà Nguyễn Thị L2 88.660.274 (Tám mươi tám triệu, sáu trăm sáu mươi nghìn, hai trăm bảy mươi bốn) đồng, bà Nguyễn Thị C 51.513.699 (Năm mươi một triệu, năm trăm mười ba nghìn, sáu trăm chín mươi chín) đồng, bà Lê Thị Kiều L3 95.900.547 ( Chín mươi lăm triệu, chín trăm nghìn, năm trăm bốn mươi bảy) đồng, bà Bùi Thị B1 361.767.946 (Ba trăm sáu mươi một triệu, bảy trăm sáu mươi bảy nghìn, chín trăm bốn mươi sáu) đồng, bà Đào Thị Thu T 273.920.548 (Hai trăm bảy mươi ba triệu, chín trăm hai mươi nghìn, năm trăm bốn mươi tám) đồng, bà Phạm Thị Ngọc L4 153.784.931 (Một trăm năm mươi ba triệu, bảy trăm tám mươi bốn nghìn, chín trăm ba mươi một) đồng.

Về tang vật vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 (một) Điện thoại di động hiệu Vivo V2120, số Imei 1: 867251054883302, số Imei 2: 867251054883310, bên trong có gắn sim số 0374130576, tình trạng đã qua sử dụng, không kiểm tra tính năng bên trong.

Ý kiến của bị cáo: Nhất trí với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát về tội danh, điều khoản, mức hình phạt và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Đề nghị xét xử theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện I, Viện kiểm sát nhân dân huyện I phù hợp với các chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của những người tham gia tố tụng khác, cũng như những tình tiết mà bản cáo trạng đã mô tả. Như vậy có đủ cơ sở để kết luận:

Trong khoảng thời gian từ ngày 13 tháng 02 năm 2020 đến ngày 19 tháng 4 năm 2023, Doãn Thị L đã nhiều lần cho bà Đoàn Thị Ngọc B, Nguyễn Thị L2, Nguyễn Thị C, Lê Thị Kiều L3, Bùi Thị B1, Đào Thị Thu T và Phạm Thị Ngọc L4 vay với số tiền từ 2.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng với lãi suất 01%/ngày, tương đương 365%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 18,25 lần (365%/20%).

Tổng số tiền gốc mà Doãn Thị L đã cho bà Đoàn Thị Ngọc B, Nguyễn Thị L2, Nguyễn Thị C, Lê Thị Kiều L3, Bùi Thị B1, Đào Thị Thu T và Phạm Thị Ngọc L4 vay với lãi suất 01%/ngày là 539.000.000 (Năm trăm

*ba mươi chín triệu*) đồng, trong đó Đoàn Thị Ngọc B vay 79.000.000 đồng, Nguyễn Thị L2 vay 20.000.000 đồng, Nguyễn Thị C vay 20.000.000 đồng, Lê Thị Kiều L3 vay 38.000.000 đồng, Bùi Thị B1 vay 172.000.000 đồng, Đào Thị Thu T vay 120.000.000 đồng và Phạm Thị Ngọc L4 vay 90.000.000 đồng. Tổng số tiền gốc đã trả cho Doãn Thị L 128.750.000 (*Một trăm hai mươi tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn*) đồng, trong đó Đoàn Thị Ngọc B trả 47.250.000 đồng, Nguyễn Thị L2 trả 17.850.000 đồng, Nguyễn Thị C trả 20.000.000 đồng, Lê Thị Kiều L3 trả 20.650.000 đồng và Bùi Thị B1 trả 23.000.000 đồng. Tổng số tiền gốc Đoàn Thị Ngọc B, Nguyễn Thị L2, Lê Thị Kiều L3, Bùi Thị B1, Đào Thị Thu T và Phạm Thị Ngọc L4 chưa trả cho Doãn Thị L là 410.250.000 (*Bốn trăm mười triệu hai trăm năm mươi nghìn*) đồng, trong đó Đoàn Thị Ngọc B là 31.750.000 đồng, Nguyễn Thị L2 là 2.150.000 đồng, Lê Thị Kiều L3 là 17.350.000 đồng, Bùi Thị B1 là 149.000.000 đồng, Đào Thị Thu T là 120.000.000 đồng và Phạm Thị Ngọc L4 là 90.000.000 đồng.

Tổng số tiền mà Doãn Thị L nhằm thu lợi bất chính là 1.157.838.903 (*Một tỷ một trăm năm mươi bảy triệu tám trăm ba mươi tám nghìn chín trăm lẻ ba*) đồng. Thực tế Doãn Thị L đã thu được số tiền là 1.098.876.987 (*Một tỷ không trăm chín mươi tám triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn chín trăm tám mươi bảy*) đồng, trong đó thu từ Đoàn Thị Ngọc B là 73.329.042 đồng, Nguyễn Thị L2 là 88.660.274 đồng, Nguyễn Thị C là 51.513.699 đồng, Lê Thị Kiều L3 là 95.900.547 đồng, Bùi Thị B1 là 361.767.946 đồng, Đào Thị Thu T là 273.920.548 đồng và Phạm Thị Ngọc L4 là 153.784.931 đồng. Số tiền thu lợi bất chính chưa thu được là 58.961.916 đồng.

Tổng số tiền lãi hợp pháp mà Doãn Thị L đã thu được là 63.703.013 (*Sáu mươi ba triệu bảy trăm lẻ ba nghìn không trăm mười ba*) đồng, trong đó: Đoàn Thị Ngọc B là 4.250.958 đồng, Nguyễn Thị L2 là 5.139.726 đồng, Nguyễn Thị C là 2.986.301 đồng, Lê Thị Kiều L3 là 5.559.453 đồng, Bùi Thị B1 là 20.972.054 đồng, Đào Thị Thu T là 15.879.452 đồng và bà Phạm Thị Ngọc L4 là 8.915.069 đồng.

Như vậy hành vi của bị cáo Doãn Thị L đã phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về tín dụng, gây mất trật tự trị an tại địa phương, làm ảnh hưởng xấu đến công tác đấu tranh phòng chống các tệ nạn xã hội, xâm phạm đến lợi ích của công dân được pháp luật bảo vệ. Vì vậy cần xử phạt nghiêm minh, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi mà bị cáo đã thực hiện để răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Quá trình cho vay, bị cáo Doãn Thị L đã có 11 lần thu lợi bất chính số tiền trên 30.000.000 đồng, do

đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “ Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự; tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo không đi học, đang nuôi con nhỏ, là lao động chính trong gia đình. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định Doãn Thị L còn cho Nguyễn Thị C, Phạm Thị Ngọc L4, Trần Thị Thu Đ1 vay tiền, với mức lãi suất 0,15%/ngày đến 0,22%/ngày, tương đương 54,75%/năm đến 80,3%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 2,74 lần đến 4,02 lần. Với mức lãi suất này thì đây là giao dịch dân sự giữa các bên, không cấu thành tội: “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”, theo quy định tại Điều 201 Bộ luật hình sự.

Trong vụ án này còn có chị Đinh Thị Thúy H và anh Lê Ngọc Ng là người đã viết giúp lập các giấy mượn tiền cho Doãn Thị L, tuy nhiên chị H và anh Nguyễn không biết về lãi suất khi L1 cho người khác vay tiền, không biết số tiền lãi mà L1 thu lợi bất chính, không hưởng lợi gì từ việc trên nên hành vi của chị H và anh Nguyễn không đồng phạm với Doãn Thị L nên Cơ quan điều tra không đề cập xử L1 là đúng quy định.

Đối với bà Nguyễn Thị L5 là người được Đoàn Thị Ngọc B chuyển tiền nhờ vào tài khoản Ngân hàng để trả tiền cho Doãn Thị L. Bà L5 tuy biết việc L1 cho B vay tiền nhưng không biết số tiền vay, lãi suất vay và không hưởng lợi gì từ việc L1 cho B vay tiền, vì vậy hành vi của Nguyễn Thị L5 không đồng phạm với L1, về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Đối với ông Trần Thanh H là người đi cùng Doãn Thị L đến nhà bà Đoàn Thị Ngọc B vào ngày 07/4/2023 để đòi tiền cho vay. Tuy nhiên trước đó L1 cho bà B vay tiền và thu tiền lãi thì Hà không biết, không tham gia. Sau khi bà B chấm dứt việc trả tiền lãi thì Hà mới đi cùng với L1 đến nhà bà B để thu tiền gốc. Do đó, Cơ quan điều tra không đề cập xử L1 đối với Trần Thanh H là đúng quy định.

[2] Về những chứng cứ buộc tội, chứng cứ gỡ tội, tội danh, điều, khoản áp dụng và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như về xử L1 vật chứng, trách nhiệm dân sự của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét thấy phù hợp với kết quả Nghị án của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về ý kiến của bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[4] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện I, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện I, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục

quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên Tòa bị cáo, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[6 ] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH**

Tuyên bố bị cáo Doãn Thị L, tên gọi khác: L1 phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” .

Áp dụng khoản 2 Điều 201; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Doãn Thị L, tên gọi khác: L1 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án, được khấu trừ thời gian bị bắt tạm giữ, tạm giam trước đây từ ngày 20/4/2023 đến ngày 01/8/2023.

Về biện pháp tư pháp:

Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 46, điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; điểm a,b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Truy thu từ bị cáo Doãn Thị L số tiền 192.453.013 (Một trăm chín mươi hai triệu, bốn trăm năm mươi ba nghìn, không trăm mười ba) đồng để tịch thu sung quỹ nhà nước; trong đó: 128.750.000 (Một trăm hai mươi tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng tiền cho vay (Tiền gốc) và 63.703.013 (Sáu mươi ba triệu bảy trăm lẻ ba nghìn không trăm mười ba) đồng là khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm do phát sinh từ tội phạm.

Truy thu tổng số tiền gốc mà Đoàn Thị Ngọc B, Nguyễn Thị L2, Lê Thị Kiều L3, Bùi Thị B1, Đào Thị Thu T và Phạm Thị Ngọc L4 chưa trả cho Doãn Thị L là 410.250.000 (Bốn trăm mười triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng để tịch thu sung quỹ nhà nước; trong đó truy thu: Đoàn Thị Ngọc B 31.750.000 (Ba mươi một triệu, bảy trăm năm mươi nghìn) đồng, Nguyễn Thị L2 2.150.000 (Hai triệu, một trăm năm mươi nghìn) đồng, Lê Thị Kiều L3 17.350.000 (Mười bảy triệu, ba trăm năm mươi nghìn) đồng, Bùi Thị B1 149.000.000 (Một trăm bốn mươi chín triệu) đồng, Đào Thị Thu T 120.000.000 ( Một trăm hai mươi triệu) đồng và Phạm Thị Ngọc L4 90.000.000 ( Chín mươi triệu) đồng.

Buộc bị cáo Doãn Thị L phải trả lại tổng số tiền 1.098.876.987 (Một tỷ không trăm chín mươi tám triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn chín trăm tám mươi bảy) đồng cho những người vay, cụ thể;

Trả lại cho bà Đoàn Thị Ngọc B 73.329.042 ( Bảy mươi ba triệu, ba trăm hai mươi chín nghìn, không trăm bốn mươi hai) đồng, bà Nguyễn Thị L2 88.660.274 (Tám mươi tám triệu, sáu trăm sáu mươi nghìn, hai trăm bảy mươi bốn) đồng, bà Nguyễn Thị C 51.513.699 (Năm mươi một triệu, năm trăm mười ba nghìn, sáu trăm chín mươi chín) đồng, bà Lê Thị Kiều L3 95.900.547 ( Chín mươi lăm triệu, chín trăm nghìn, năm trăm bốn mươi bảy) đồng, bà Bùi Thị B1 361.767.946 (Ba trăm sáu mươi một triệu, bảy trăm sáu mươi bảy nghìn, chín trăm bốn mươi sáu) đồng, bà Đào Thị Thu T 273.920.548 (Hai trăm bảy mươi ba triệu, chín trăm hai mươi nghìn, năm trăm bốn mươi tám) đồng, bà Phạm Thị Ngọc L4 153.784.931 (Một trăm năm mươi ba triệu, bảy trăm tám mươi bốn nghìn, chín trăm ba mươi một) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về tang vật vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 (một) Điện thoại di động hiệu Vivo V2120, số Imei 1: 867251054883302, số Imei 2: 867251054883310, bên trong có gắn sim số 0374130576, tình trạng đã qua sử dụng, không kiểm tra tính năng bên trong.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/9/2023 giữa Công an huyện I và Chi cục thi hành án dân sự huyện I).

Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Doãn Thị L phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ nhà nước.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 14/9/2023). Riêng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Bị cáo/ những người tham gia tố tụng;
- TAND tỉnh G; Cấp cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh G;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện I;
- Công an huyện I;
- Chi cục THADS huyện I;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Viết Thịnh**